TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2017/DS-ST
Ngày: 29-12-2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị N Anh;

2. Ông Võ Tuấn Thành.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 287/2017/TLST-DS ngày 14/11/2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐXXST-DS ngày 14/12/2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Thanh S, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu 2, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Huy H', sinh năm 1985; nơi thường trú: Tổ 1C, Khu phố 1, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 4/3, đường N, Khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2017); có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà 1548C, Tổ 16, khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu 2, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Huy H' trình bày:*** Ngày 20/11/2015 ông Nguyễn Trọng H có đến nhà của ông Lê Thanh S để vay của ông S số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay tiền hai bên có lập

Giấy mượn tiền đề ngày 20/11/2015. Theo nội dung của giấy mượn tiền này thì ông Nguyễn Trọng H vay của ông Lê Thanh S số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Chữ viết trong Giấy mượn tiền đề ngày 20/11/2015 do bà Huỳnh Thị Kim N là vợ của ông Lê Thanh S viết, bà N viết trước mặt ông S và ông H, khi đã nhận tiền đủ thì ông H và ông S tự đọc lại biên bản và đã ký, ghi rõ họ và tên vào văn bản. Ngoài ra ông H còn ghi dòng chữ "*Đã nhận Đủ tiền*" vào giấy mượn tiền nêu trên. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thỏa thuận mà ông H chưa trả cho ông S số tiền 140.000.000 đồng đã mượn nêu trên.

Vì vậy, ông Lê Thanh S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng H phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng là 140.000.000 đồng x 1%/tháng x 23 tháng = 32.200.000 đồng. Tổng số tiền ông Lê Thanh S yêu cầu ông Nguyễn Trọng H phải trả là 172.200.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Huy H' trình bày: Tại phiên tòa ông H thừa nhận có vay của ông S số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) đúng như chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Ông H cho rằng đã trả cho ông S số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nhưng không có chứng cứ, chứng minh nên nguyên đơn không đồng ý với lời trình bày của ông H. Theo như hợp đồng vay giữa ông S với ông H thì không thỏa thuận về lãi suất, nhưng hết thời hạn của hợp đồng thì ông H không thực hiện nghĩa vụ nên nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng H phải trả cho ông Lê Thanh S số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng là 140.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 19 tháng (tính từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/12/2017) = 19.950.000 đồng. Tổng số tiền ông Lê Thanh S yêu cầu ông Nguyễn Trọng H phải trả cho ông S là 159.950.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bị đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày: Ông H thừa nhận có ký vào "Giấy mượn tiền" đề ngày 20/11/2015 do nguyên đơn ông Lê Thanh S nộp cho Tòa án. Chữ ký, chữ viết "*Nguyễn Trọng H, Đã nhận Đủ tiền*" trong giấy đề ngày 20/11/2015 là do ông H viết. Tuy nhiên, ông H không đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, địa điểm và số tiền vay. Cụ thể, theo ông H thì thời gian vay là vào tháng 7/2014, địa điểm vay tại bến xe Biên Hòa và số tiền vay chỉ có 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Do ông H với ông S có quan hệ quen biết nhau, lúc giao nhận tiền là vào khoảng 7-8 giờ tối nên ông S kêu ông H ký giấy còn nội dung thì ông S sẽ về nhà viết sau. Vì vậy, đúng như nguyên đơn trình bày là chữ viết trong giấy mượn tiền nêu trên là do bà N viết, vì khi ông H ký chưa có nội dung nên sau này bà N mới điền vào. Như vậy thực chất ông S chỉ cho ông H vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng ông S đã ghi 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là không đúng nên ông H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông H đã trình bày đúng sự việc nên đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ cho ông H. Khi ông H vay tiền của ông S thì không có ai chứng kiến nên không có người làm chứng, ông H cũng không có chứng cứ chứng minh chỉ vay của ông S 20.000.000 đồng chứ không phải 140.000.000 đồng và cũng không có chứng cứ chứng minh ông H đã thanh toán 140.000.000 đồng cho ông S vì khi ông H giao tiền cho ông S thì không lập biên bản giao nhận gì. Việc ông H vay tiền của ông S là để sử dụng vào mục đích cá nhân, vợ con của ông H không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án này.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh S, ông Nguyễn Trọng H không đồng ý thanh toán cho ông S tổng số tiền 172.200.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trọng H trình bày: Ông H thừa nhận có vay của ông S tổng số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên, số tiền này là ông H vay nhiều lần nhưng đến ngày 20/11/2015 thì giữa ông H và ông S mới chốt nợ bằng "Giấy mượn tiền" đề ngày 20/11/2015 (có chữ ký, chữ viết ghi họ tên của ông H) do nguyên đơn nộp cho Tòa án. Ông H đã trả cho ông S số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), do chỗ quen biết nên khi trả hai bên không làm giấy tờ. Vì vậy, tại phiên Tòa ông H chỉ đồng ý trả cho ông S số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và 19.950.000 đồng tiền lãi.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim N trình bày:*** Bà N là vợ của ông Lê Thanh S. Vào ngày 20/11/2015 ông Nguyễn Trọng H có đến nhà của vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim N để vay tiền. Do chỗ quen biết nên ông S đồng ý cho ông H vay tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay tiền thì hai bên có lập Giấy mượn tiền đề ngày 20/11/2015. Theo nội dung của giấy mượn tiền này thì ông Nguyễn Trọng H có vay của ông Lê Thanh S số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Chữ viết trong Giấy mượn tiền đề ngày 20/11/2015 do bà Huỳnh Thị Kim N viết, bà N viết trước mặt ông S và ông H, khi đã nhận tiền đủ thì ông H và bà N đã tự đọc lại biên bản và đã ký, ghi rõ họ và tên vào văn bản. Ngoài ra ông H còn ghi dòng chữ "Đã nhận Đủ tiền" vào giấy mượn nợ nêu trên. Nhưng hết thời hạn thì ông H không thực hiện nghĩa vụ nên ông S mới đi khởi kiện. Nay bà N thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm. Do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà N có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng H thừa nhận có vay của ông Lê Thanh S số tiền 140.000.000 đồng đúng như "Giấy mượn tiền" đề ngày 20/11/2015 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định của Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H cho rằng đã trả cho ông S số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nhưng không có chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận nên lời trình bày của ông H là không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp với Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp với Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim N vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim N.

[2]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Lê Thanh S yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng H phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng là 140.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 19 tháng (tính từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/12/2017) = 19.950.000 đồng. Tổng số tiền ông Lê Thanh S yêu cầu ông Nguyễn Trọng H phải trả là 159.950.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và 19.950.000 đồng tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 20/11/2015, ông Lê Thanh S và ông Nguyễn Trọng H có ký "Giấy mượn tiền" đề ngày 20/11/2015 với nội dung: Ông Nguyễn Trọng H vay của ông Lê Thanh S số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa ông H với ông S là hợp đồng có kỳ hạn nhưng không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2]. Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng H thừa nhận có vay của ông Lê Thanh S số tiền 140.000.000 đồng và thừa nhận có ký tên và viết "*Nguyễn Trọng H Đã nhận Đủ tiền*" vào "Giấy mượn tiền" đề ngày 20/11/2015 do nguyên đơn nộp cho Tòa án. Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Ông H cho rằng đã trả cho ông S số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nhưng không có chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận nên lời trình bày của ông H không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Đối với số tiền lãi: Xét hợp đồng vay giữa ông H và ông S không thỏa thuận về lãi nhưng hết thời hạn 06 tháng ông H không thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 thì ông H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ. Theo quy định tại Điều 1 của Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Vì vậy, yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ sự phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 471, Điều 474 và Khoản 1 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 cũng như Điều 463 và 466 và Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 159.950.000 đồng.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các điều 26, 35, 39, 92, 147, 219, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466 và Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 1 của Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh S về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng H.

2. Buộc ông Nguyễn Trọng H phải trả cho ông Lê Thanh S số tiền 159.950.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp lực luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Trọng H phải nộp số tiền 7.997.500 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

3.2. Ông Lê Thanh S không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Lê Thanh S số tiền 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013458, ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (04);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- THADS thị xã T (01);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hiền

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền